

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 01/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 20/01/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28208121311	Mai Hoài An	06/10/2004	Quảng Trị	31CSC10	4.7	5.0	Không Đạt	
2	28205100406	Đặng Thị Phương Anh	08/12/2004	Thừa Thiên H	31SHT9	9.7	9.8	Đạt	
3	28204800332	Nguyễn Cao Nam Anh	04/11/2004	Quảng Ngãi	31CBN9	6.0	1.5	Không Đạt	
4	29208242813	Nguyễn Lê Xuân Anh	03/08/2004	Đắk Nông	31SHT9	4.7	2.5	Không Đạt	
5	28204646208	Nguyễn Thị Lan Anh	12/10/2004	Hà Tĩnh	31SSC8	7.7	5.8	Đạt	
6	28204946410	Nguyễn Thị Tâm Anh	14/05/2004	Hồ Chí Minh	31CHT10	6.3	3.5	Không Đạt	
7	28205102174	Trần Hà Anh	13/04/2004	Quảng Bình	31TSC3	8.0	6.3	Đạt	
8	28218006061	Nguyễn Văn Châu	30/07/2004	Hội An	31SSC8	4.0	2.4	Không Đạt	
9	29204320569	Phan Hoàng Bảo Châu	04/05/2005	Đà Nẵng	31CSC10	7.7	6.8	Đạt	
10	28219348157	Phạm Đình Chiến	25/09/2004	Đắk Lắk	31CHT10	7.7	6.5	Đạt	
11	28217146522	Phan Lê Minh Công	14/07/2004	Đà Nẵng	31CSC10	4.0	0.3	Không Đạt	
12	28205106995	Nguyễn Thị Trang Đài	29/01/2004	Khánh Hòa	31SHT9	9.7	8.5	Đạt	
13	28214645961	Đoàn Nguyễn Công Đại	14/10/2004	Quảng Nam	31SHT9	6.0	7.8	Đạt	
14	28212301471	Nguyễn Huỳnh Phong Đạt	22/10/2004	Cần Thơ	31SHT9	6.3	5.3	Đạt	
15	29209449373	Võ Thị Kim Diệu	24/05/2005	Gia Lai	31CSC10	7.0	7.0	Đạt	
16	28212352726	Đặng Ngọc Du	11/11/2004	Quảng Trị	31CHT10	8.7	8.5	Đạt	
17	29218227364	Phạm Văn Anh Đức	10/11/2005	Quảng Trị	31SHT9	5.7	5.5	Đạt	
18	28204350691	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giang	07/11/2001	Đà Nẵng	31CHT10	10.0	7.8	Đạt	
19	28205239290	Nguyễn Thị Huỳnh Giang	26/02/2004	Quảng Nam	31CSC10	9.7	5.3	Đạt	
20	29204325506	Trần Hà Giang	17/11/2005	Đà Nẵng	31CSC10	7.7	7.3	Đạt	
21	29209331878	Đặng Ngọc Hân	25/06/2005	Đà Nẵng	31SSC8	8.7	9.5	Đạt	
22	28208149510	Lê Thị Kim Hằng	26/02/2004	Quảng Nam	31CSC10	9.7	5.3	Đạt	
23	29216654109	Nguyễn Tấn Hậu	20/11/2005	Quảng Nam	31SHT9	3.7	5.0	Không Đạt	
24	28212304026	Đỗ Thế Hiền	12/02/2004	Quảng Ngãi	31SHT9	6.7	7.3	Đạt	
25	28214301036	Nguyễn Gia Hiền	23/06/2004	Gia Lai	31SSC8	9.0	7.8	Đạt	
26	28212304632	Trần Trung Hiếu	25/02/2004	Đắk Lắk	31SHT9	6.0	5.0	Đạt	
27	28214606654	Trần Trung Hiếu	17/08/2004	Quảng Trị	31CHT10	7.7	5.0	Đạt	
28	28204605410	Đào Thị Lê Hoa	21/10/2004	Huế	31CSC10	8.0	5.5	Đạt	
29	29206954548	Nguyễn Thị Cúc Hoa	21/02/2004	Quảng Nam	31CSC10	9.0	6.5	Đạt	
30	28204306157	Phan Thị Hồng	14/07/2004	Hà Tĩnh	31TYC1	7.0	5.8	Đạt	
31	28214600151	Hà Mạnh Nhật Huy	22/02/2004	Thừa Thiên H	31CSC10	7.0	5.5	Đạt	
32	28212330525	Nguyễn Nhật Tuấn Huy	19/04/2004	Quảng Nam	31CHT10	8.0	8.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28206203126	Phan Võ Khánh	Huyền	16/02/2004	Quảng Bình	31CHT10	7.0	3.8	Không Đạt	
34	28205100908	Trần Nguyễn Khánh	Huyền	01/10/2004	Quảng Bình	31TSC3	5.3	9.0	Đạt	
35	27211302200	Nguyễn Duy	Khiêm	29/10/2002	Thái Bình	31CHT10	9.0	6.8	Đạt	
36	28204953739	Dương Thị	Kiều	25/07/2004	Đà Nẵng	31CHT10	5.3	8.0	Đạt	
37	28214645732	Trần Nguyên	Lâm	27/11/2004	Quảng Ngãi	31CHT10	6.7	6.8	Đạt	
38	29204859004	Kiều Thị Mỹ	Lệ	02/08/2005	Đà Nẵng	31CSC10	8.3	6.3	Đạt	
39	29208455910	Trần Thùy	Linh	09/06/2005	Đà Nẵng	31CSC10	5.0	5.5	Đạt	
40	28206550996	Triệu Thị Thùy	Linh	08/09/2004	Đắk Lắk	31CHT10	5.7	3.5	Không Đạt	
41	28204803475	Ksor	Loan	29/11/2004	Gia Lai	31CHT10	8.0	5.0	Đạt	
42	28206903434	Trần Thị Ngân	Lượng	29/04/2004	Phú Yên	31CYC9	9.3	5.3	Đạt	
43	28204603632	Trần Thị Hoài	Ly	20/11/2004	Thừa Thiên H	31CSC10	10.0	8.3	Đạt	
44	28206904575	Trần Thị My	Ly	27/05/2004	Quảng Nam	31TYC13	9.3	7.8	Đạt	
45	29206535834	Nguyễn Thị	Mận	26/03/2005	Quảng Nam	31CSC10	7.7	7.0	Đạt	
46	28204706877	Phạm Thúy	My	26/07/2004	Quảng Ngãi	31CSC10	6.7	5.0	Đạt	
47	28208102776	Nguyễn Võ Lê	Na	23/10/2004	Bình Định	31CSC10	9.7	8.3	Đạt	
48	28206245856	Lê Thị	Nga	19/09/2003	Thanh Hóa	31CHT10	9.7	2.4	Không Đạt	
49	29204622804	Văn Thị Kiều	Nga	22/05/2005	Gia Lai	31TSC13	9.0	6.8	Đạt	
50	28206203484	Ksor	Ngoại	18/01/2004	Gia Lai	31TSC11	8.3	5.0	Đạt	
51	28206252271	Huỳnh Thảo	Nguyên	17/09/2004	Hồ Chí Minh	31CHT10	8.7	5.0	Đạt	
52	28212353285	Đặng Quang	Nhật	19/05/2004	Ninh Bình	31SHT9	7.3	6.3	Đạt	
53	26205100639	Bùi Thị Yên	Nhi	09/07/2002	Quảng Ngãi	31SSC8	3.7	6.5	Không Đạt	
54	28204937090	Nguyễn Thị Ái	Nhi	01/09/2004	Quảng Trị	31CHT10	7.3	3.0	Không Đạt	
55	28206834841	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	05/07/2004	Quảng Trị	31CHT10	9.3	8.0	Đạt	
56	28204634745	Trần Quỳnh	Như	20/08/2004	Quảng Bình	31CSC10	9.3	6.8	Đạt	
57	28204604834	Lê Thị Trinh	Nữ	01/08/2004	Quảng Ngãi	31SSC8	8.0	6.3	Đạt	
58	28205103847	Võ Hoàng	Ny	21/09/2004	Quảng Ngãi	31SHT9	8.0	9.5	Đạt	
59	28204600792	Nguyễn Thị Kim	Oanh	21/02/2004	Quảng Ngãi	31CSC10	H	H	Không Đạt	
60	28215133276	Lê Bá	Phước	06/10/2004	Đà Nẵng	31SHT9	8.0	5.3	Đạt	
61	28214601540	Nguyễn Đình	Phước	04/11/2004	Đà Nẵng	31CSC10	5.7	6.0	Đạt	
62	29204649190	Lê Nguyễn Mai	Phương	25/09/2005	Đà Nẵng	31SSC8	6.0	7.8	Đạt	
63	28204231759	Lê Thị Huyền	Phương	01/05/2004	Nghệ An	31CSC10	7.3	5.0	Đạt	
64	28206752579	Lương Huệ	Phương	29/07/2004	Đà Nẵng	31TYC14	6.0	5.8	Đạt	
65	29218239142	Nguyễn Duy	Phương	19/07/2005	Đà Nẵng	31SHT9	6.0	2.8	Không Đạt	
66	29204461770	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	04/05/2005	Đà Nẵng	31SHT9	7.7	7.5	Đạt	
67	29206757780	Vũ Hà	Phương	18/07/2005	Gia Lai	31CSC10	7.7	5.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28209349962	Trần Hiểu	Quyên	22/05/2004	Quảng Ngãi	31SBN8	6.7	6.0	Đạt	
69	27211339682	Phạm Đình	Quyết	30/01/2003	Đắk Lắk	31CHT10	6.7	5.0	Đạt	
70	29208260048	Đặng Thị Như	Quỳnh	02/05/2005	Đà Nẵng	31SHT9	7.3	5.3	Đạt	
71	28200247174	Lê Thị Như	Quỳnh	13/02/2004	Phú Yên	31SHT9	8.3	7.5	Đạt	
72	29206723864	Trần Lệ	Sang	03/02/2003	Đà Nẵng	31SSC8	9.0	10.0	Đạt	
73	29208243103	Đặng Thị Minh	Tâm	04/10/2005	Đà Nẵng	31SHT9	8.0	5.0	Đạt	
74	28215103473	Mai Quốc	Thắng	22/12/2004	Gia Lai	31CSC10	6.7	5.0	Đạt	
75	28214327789	Nguyễn Hà Phước Ngọc	Thắng	13/04/2004	Đà Nẵng	31SSC8	V	V	Không Đạt	
76	28215235126	Nguyễn Phước Hoàng	Thanh	23/06/2004	Quảng Trị	31SHT9	9.3	9.0	Đạt	
77	28208035287	Lê Thị Minh	Thảo	14/05/2004	Đà Nẵng	31CHT10	7.7	3.5	Không Đạt	
78	28204753129	Lê Thị Phương	Thảo	04/08/2004	Kon Tum	31SSC8	9.3	7.8	Đạt	
79	28212346190	Lê Viết Trung	Thiên	01/01/2004	Quảng Nam	31CHT10	8.0	5.3	Đạt	
80	28212354052	Nguyễn Ngọc	Thiện	06/03/2004	Kon Tum	31SSC8	8.3	7.8	Đạt	
81	26202125131	Nguyễn Văn	Thông	15/01/2002	Quảng Trị	31CHT10	V	V	Không Đạt	
82	27212202496	Trần Nguyễn Anh	Thư	10/11/2003	Đà Nẵng	31SHT9	7.0	6.5	Đạt	
83	29208120334	Trần Nguyễn Anh	Thư	21/11/2005	Quảng Ngãi	31SHT9	5.7	6.0	Đạt	
84	28206504646	Nguyễn Thị	Thuận	25/04/2004	Hà Tĩnh	31CHT10	10.0	7.3	Đạt	
85	28206123844	Trần Thị Kim	Thúy	02/09/2004	Bình Định	31SSC8	7.3	1.5	Không Đạt	
86	29204856417	Lê Thị Ngọc	Thùy	07/02/2005	Đắk Lắk	31CSC10	9.7	8.5	Đạt	
87	28206128947	Lê Quỳnh	Tiên	15/12/2004	Đà Nẵng	31SSC8	6.7	5.0	Đạt	
88	28212353496	Vũ Quang	Tín	16/10/2004	Quảng Ngãi	31SHT9	5.7	5.1	Đạt	
89	28216244885	Trần Hữu	Toàn	24/12/2004	Đà Nẵng	31SSC8	7.7	7.5	Đạt	
90	29206242896	Huỳnh Ngọc Bảo	Trâm	17/01/2005	Đà Nẵng	31SSC8	0.3	7.1	Không Đạt	
91	28204602698	Ngô Hoàng Thùy	Trâm	23/01/2004	Đà Nẵng	31SSC8	6.0	5.0	Đạt	
92	28206147555	Nguyễn Thị Kiều	Trang	23/06/2004	Bình Định	31SSC8	4.3	3.8	Không Đạt	
93	28204303134	Nguyễn Thanh	Trúc	26/11/2004	Quảng Ngãi	31CSC10	9.7	7.0	Đạt	
94	28204645657	Phan Cẩm	Tú	09/06/2004	Đắk Lắk	31CHT10	8.0	6.5	Đạt	
95	28208002374	Trần Thị Thủy	Tú	17/05/2004	Quảng Nam	31CHT9	8.3	7.5	Đạt	
96	28214644324	Nguyễn Hoài	Tuấn	10/10/2004	Quảng Trị	31CHT10	V	V	Không Đạt	
97	28204951449	Nguyễn Thanh	Tuyền	13/04/2004	Quảng Nam	31CHT10	7.7	9.5	Đạt	
98	29206754559	Nguyễn Thị Anh	Tuyền	06/07/2004	Đà Nẵng	31SSC8	9.0	7.8	Đạt	
99	28204621842	Trần Thị Ánh	Tuyết	21/02/2004	Đà Nẵng	31SHT9	5.7	7.3	Đạt	
100	28204605469	Trần Mai Tú	Uyên	11/06/2004	Đắk Lắk	31SSC8	5.7	6.3	Đạt	
101	28208047682	Nguyễn Thị Hoàng	Vĩ	13/09/2004	Đà Nẵng	31SSC8	7.0	6.5	Đạt	
102	28212303778	Lê Ngọc	Vương	01/10/2004	Quảng Trị	31SSC8	9.7	9.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
103	27207300944	Nguyễn Lê Hà Vy	13/10/2003	Thanh Hóa	31CSC10	8.0	5.0	Đạt	
104	29204920095	Trần Khánh Vy	27/10/2005	Quảng Bình	31CSC10	7.7	5.0	Đạt	
105	28216606394	Lê Nguyễn Trường Vỹ	20/06/2004	Thừa Thiên H	31SSC8	7.7	2.6	Không Đạt	
106	28205152917	Văn Thị Như Ý	30/07/2004	Quảng Nam	31SHT9	9.0	7.8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh